



GIẢI PHÁP CƠ BẢN CHO HÒA GIẢI CƠ SỞ Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Đồng Việt Phương¹

¹ Phòng Phổ biến Giáo dục Pháp luật, Sở Tư pháp Hậu Giang

Thông tin chung:

Ngày nhận: 31/03/2014

Ngày chấp nhận: 27/06/2014

Title:

Basic measures of conciliation at grassroots level in Mekong Delta

Từ khóa:

Đa hình tền nucleotid, độ trở hồ (ĐTH), chỉ thị phân tử, rầy nâu, tình trạng mùi thơm

Keywords:

Brown planthopper (BPH), fragrance trait, gelatinization temperature (GT), molecular marker, Single Nucleotide Polymorphism (SNP)

ABSTRACT

Conciliation at grassroots level is one among good morality traditions of Vietnamese. The conciliation development history has existed in parallel with the development history of Vietnam. Conciliation explicitly expresses strong humanity, it is also for the sake of people and based on human affection. Conciliation at grassroots level has significant contribution into social life, and the rate of successful conciliation cases has been increased. However, in order to conciliate more effectively and successfully, it is necessary to have basic measures and solution for conciliation such as: improving legal regulations of conciliation at grassroots level; strengthening the organization, upgrading the capacity of conciliation group and conciliators; calling for and ensuring investment resources for operation fund and facility for conciliation at grassroots level; enhancing the role of Party organizations, authorities and Vietnamese Fatherland Front at all levels etc.

TÓM TẮT

Hòa giải cơ sở là một truyền thống, đạo lý tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Hoạt động hòa giải có lịch sử tồn tại và phát triển cùng với lịch sử xây dựng và phát triển của đất nước. Hòa giải mang đậm tính nhân văn, vì mọi người và trên cơ sở tình người. Trong thời gian qua, hòa giải ở cơ sở góp được vai trò đáng kể trong đời sống xã hội, tỷ lệ hòa giải thành ngày càng cao. Tuy nhiên, để công tác hòa giải thành cao hơn nữa, chúng ta cần có những phương hướng, giải pháp cơ bản cho công tác hòa giải, như: Hoàn thiện pháp luật về hòa giải cơ sở; kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của tổ hòa giải ở cơ sở và hòa giải viên; huy động và đảm bảo các nguồn lực đầu tư về kinh phí và vật chất cho hoạt động hòa giải ở cơ sở; nâng cao vai trò các tổ chức Đảng, chính quyền và Mặt trận Tổ quốc các cấp... là yêu cầu hết sức bức thiết hiện nay.

1 GIỚI THIỆU

Hòa giải đóng vai trò quan trọng trong đời sống xã hội, vì nó trực tiếp giải quyết những mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật nhỏ trong xã hội.¹

Từ đó, tạo điều kiện thuận lợi cho các cấp chính quyền tăng cường công tác quản lý xã hội ở cơ sở; góp phần hạn chế đơn thư khiếu nại, khiếu kiện

pháp luật tố tụng dân sự không được hòa giải; vi phạm pháp luật mà theo quy định phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị xử lý vi phạm hành chính và mâu thuẫn, tranh chấp khác không được hòa giải ở cơ sở theo quy định của pháp luật.

¹ Trừ các mâu thuẫn, tranh chấp xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng; vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình, giao dịch dân sự mà theo quy định của

trong nhân dân đến các cấp chính quyền và Tòa án nhân dân; tiết kiệm được thời gian, công sức và tiền bạc của Nhà nước và nhân dân; đồng thời góp phần phổ biến, giáo dục pháp luật trong, hình thành trong mỗi cá nhân sự hiểu biết pháp luật và ý thức chấp hành pháp luật. Xuất phát từ ý nghĩa quan trọng của công tác hòa giải, ngày 20 tháng 6 năm 2013 Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 5 đã thông qua Luật Hòa giải ở cơ sở và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 (thay thế Pháp lệnh về tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở). Đây là văn bản quy phạm pháp luật có cơ sở pháp lý cao nhất quy định các vấn đề về tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở.

Đồng bằng sông Cửu Long là một trong những khu vực tiêu biểu, đạt nhiều kết quả trong công tác hòa giải ở cơ sở, góp phần giữ vững an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương; giữ gìn được truyền thống văn hóa bao đời nay của người dân trong vùng và cả nước. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được vẫn còn những tồn tại, hạn chế ảnh hưởng đến hiệu quả của hoạt động hòa giải ở cơ sở ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Với bài viết này, tác giả sẽ phân tích thực trạng, đồng thời đề xuất một số giải pháp góp phần tăng cường hơn nữa hiệu quả của công tác hòa giải ở cơ sở ở Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng và cả nước nói chung.

2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC HÒA GIẢI CƠ SỞ Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Trong những năm gần đây công tác hòa giải ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long từng bước được phát triển, đi vào nề nếp, số vụ, việc hòa giải thành ngày càng tăng, đạt chất lượng cao. Đó là nhờ có sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát, sự phối hợp nhịp nhàng giữa Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể với các cấp chính quyền trong quản lý đã tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ của công tác hòa giải cơ sở, thể hiện trên nhiều mặt.

Thứ nhất, về tổ chức hòa giải ở cơ sở: Thời gian qua, các cấp ủy Đảng đã chỉ đạo chính quyền phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc và các cơ quan trong hệ thống chính trị ở địa phương không ngừng xây dựng, củng cố, kiện toàn các tổ hòa giải ở cơ sở. Các cơ quan tư pháp không ngừng bồi dưỡng, từng bước nâng cao trình độ pháp luật và kỹ năng hòa giải cho các hòa giải viên ở cơ sở. Qua tổng hợp số liệu báo cáo về tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở của Sở Tư pháp các tỉnh, thành khu vực Đồng bằng sông Cửu Long từ năm 2009 đến năm 2013, có thể thấy số Tổ hòa giải và thành

viên của Tổ hòa giải ngày càng tăng về số lượng lẫn chất lượng. Tính đến cuối năm 2013, 13 tỉnh, thành Đồng bằng sông Cửu Long có 131 đơn vị hành chính cấp huyện, 1.686 xã, phường, thị trấn với 10.963 ấp, khóm, khu vực đã thành lập được 11.007 Tổ hòa giải với 76.193 hòa giải viên, mỗi Tổ hòa giải có từ 05 đến 10 thành viên.

Về cơ cấu và số lượng tổ viên Tổ hòa giải gồm Tổ trưởng và tổ viên. Tổ trưởng Tổ hòa giải phần lớn là Bí thư Chi bộ, Trưởng ấp (khu vực), Hội Cựu chiến binh. Tổ viên Tổ hòa giải rất đa dạng, phong phú có cả nam, nữ, già, trẻ, đảng viên, đoàn viên; có đại diện cho các tổ chức chính trị - xã hội trong cộng đồng dân cư ở địa phương.

Về trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ hòa giải viên cũng được nâng lên rõ rệt. Trước năm 2009, đa số các hòa giải viên có trình độ văn hóa bậc tiểu học và trung học cơ sở, trung học phổ thông và chuyên môn nghiệp vụ từ trung cấp trở lên thì rất hạn chế. Từ năm 2009 trở về sau các hòa giải viên tốt nghiệp trung học phổ thông và chuyên môn nghiệp vụ ngày một tăng lên và đến nay chiếm trên 50%.

Mặc dù còn nhiều hạn chế về chuyên môn nghiệp vụ nhưng với sự tận tâm, lòng nhiệt tình các hòa giải viên đã hàn gắn những mâu thuẫn, xích mích giữa các thành viên trong hộ gia đình, cá nhân, đem lại sự bình yên trong thôn xóm, được nhân dân tín nhiệm, tin yêu.

Thứ hai, về bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ hòa giải: Như chúng ta biết, hoạt động hòa giải không phải chỉ bằng kinh nghiệm cuộc sống mà đòi hỏi hòa giải viên phải có kiến thức pháp luật nhất định để giải quyết những vi phạm pháp luật và tranh chấp nhỏ trong nhân dân được thấu tình, đạt lý và hiệu quả. Việc thuyết phục, giáo dục để mọi người thấy được cái "đúng", cái "sai" đi đến thỏa thuận chấm dứt bất đồng, mâu thuẫn, tranh chấp, hàn gắn mối quan hệ đoàn kết, hòa thuận không chỉ dựa vào tình cảm, truyền thống đạo đức, tập quán mà còn phải dựa trên cơ sở pháp luật. Trong điều kiện kinh tế - xã hội ngày một phát triển, trình độ dân trí ngày một nâng cao, người làm công tác hòa giải không chỉ cần có đạo đức, uy tín, tâm huyết, nhiệt tình mà còn phải có kiến thức về nhiều phương diện, trong đó kiến thức pháp luật và nghiệp vụ hòa giải là vô cùng quan trọng. Vì vậy, tăng cường bồi dưỡng thường xuyên đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước và nghiệp vụ hòa giải cho hòa giải viên là vấn đề cần thiết, có ý nghĩa quyết định trong việc xây dựng đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở.

Thứ ba, về thể chế tài chính cho hoạt động hòa giải: Thể chế hóa quy định tại Thông tư liên tịch số 73/2010/TTLT-BTC-BTP ngày 14/5/2010 của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp hướng dẫn việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (gọi tắt là Thông tư liên tịch số 73/2010/TTLT-BTC-BTP), đến nay 13/13 tỉnh, thành Đồng bằng sông Cửu Long đều có văn bản quy định kinh phí hỗ trợ cho công tác hòa giải. Trong đó, quy định cụ thể kinh phí hỗ trợ hoạt động cho các Tổ hòa giải, thù lao cho các tổ hòa giải theo vụ việc. Bên cạnh đó, chi sơ kết, tổng kết công tác hòa giải; chi thi đua, khen thưởng; chi mua tài liệu, văn phòng phẩm phục vụ cho hòa giải viên; chi in ấn các biểu mẫu, sổ sách, báo cáo cũng được thể hiện trong văn bản của các địa phương.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, hòa giải ở cơ sở vẫn còn những khó khăn, vướng mắc nhất định như:

Thứ nhất, theo khoản 1, Điều 23 của Luật Hòa giải ở cơ sở thì việc hoà giải được kết thúc khi “các bên đã đạt được thoả thuận” và tại Điều 10 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định: Trường hợp các bên không đạt được thoả thuận và một bên yêu cầu tiếp tục hòa giải, nhưng có căn cứ cho rằng việc tiếp tục hòa giải không thể đạt kết quả thì hòa giải viên quyết định kết thúc hòa giải và hướng dẫn các bên đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết. Nhưng lại không quy định thời hạn tiến hành hòa giải, cũng như các vụ việc nếu hòa giải bao nhiêu lần mà không thành thì chuyển đến cơ quan chức năng giải quyết. Điều này đã gây khó khăn cho một trong các bên tranh chấp nếu muốn khiếu nại vụ việc đó đến cơ quan có thẩm quyền cấp trên (chỉ thụ lý khi có kết quả ở tổ hòa giải) nhưng Tổ hòa giải không chịu chuyển đơn, muốn tiếp tục giữ lại để hòa giải hoặc nếu thấy chuyển lên trên thì kết quả giải quyết sẽ bất lợi cho bên tranh chấp là người thân, bạn bè... của mình. Đây cũng là điểm bất cập giữa Luật Hòa giải ở cơ sở và thực tiễn.

Thứ hai, đối với các vụ việc hòa giải thành, các bên có thể thỏa thuận lập văn bản hòa giải thành gồm các nội dung theo quy định. Khác với hoạt động hòa giải tại Tòa án, Trọng tài (hình thức hòa giải trong tố tụng) hay hòa giải do Ban hòa giải/Hội đồng hòa giải cấp xã thực hiện theo quy định của Luật Đất đai (do cơ quan nhà nước thực hiện), hòa giải ở cơ sở là hình thức hòa giải do người dân thực hiện trên cơ sở tự nguyện của các bên. Do đó, văn bản hòa giải thành ở cơ sở chỉ là

sự ghi nhận thỏa thuận của các bên, thể hiện sự ràng buộc mang ý nghĩa đạo lý, danh dự mà không phải là quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự trong vụ án, vụ việc dân sự. Trường hợp các bên không đồng ý thì có quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật. Quy định như vậy cũng là để bảo đảm quyền khởi kiện của công dân theo quy định của Hiến pháp. Tuy nhiên, chính vì không có sự ràng buộc về pháp luật nên thực tế thời gian qua đã có nhiều trường hợp sau khi hòa giải thành, một trong các bên không thực hiện theo kết quả hòa giải mà khởi kiện vụ việc ra cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải quyết. Từ đó, gây tổn thất về thời gian, tài chính của các bên cũng như của đội ngũ hòa giải viên tiến hành hòa giải.

Thứ ba, về nguồn nhân lực thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở: Hệ thống cơ quan tư pháp cơ sở (Phòng Tư pháp cấp huyện, công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã) tổ chức chưa ổn định, nhiệm vụ ngày càng nặng nề, phần lớn phải kiêm nhiệm nhiều việc. Ở các xã, phường, thị trấn chỉ có một hoặc hai công chức tư pháp - hộ tịch chuyên trách, nhưng phải đảm nhận rất nhiều việc (hộ tịch, chứng thực, phổ biến pháp luật, trợ giúp pháp lý, tù sách pháp luật, hòa giải... và các công việc khác do UBND phân công), nên các công chức tư pháp không có thời gian, điều kiện chuyên thực hiện các nhiệm vụ công tác hòa giải; đồng thời, trình độ chuyên môn nghiệp vụ còn nhiều hạn chế, đa số chỉ mới tốt nghiệp trung học phổ thông, chỉ một phần là đã qua đào tạo trung cấp luật hoặc trung cấp chuyên ngành khác. Mặt khác, công chức tư pháp thường xuyên luân chuyển, thay đổi, người mới được phân công nhiều khi lại không nắm vững kiến thức pháp luật, nghiệp vụ hòa giải và kinh nghiệm công tác hòa giải nên khó bắt nhịp để chỉ đạo, tham mưu giúp cho cấp ủy, chính quyền chỉ đạo hoạt động hòa giải.

Các hòa giải viên ở các Tổ hòa giải không ổn định, thường xuyên thay đổi; năng lực, trình độ, kiến thức pháp luật của các hòa giải viên còn nhiều hạn chế nên ảnh hưởng ít nhiều đến công tác hòa giải. Việc bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ hòa giải ở một số địa phương chưa được quan tâm đúng mức. Phần lớn tổ viên Tổ hòa giải chưa được bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ hòa giải thường xuyên. Bên cạnh đó, tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ hòa giải được biên soạn thống nhất còn ít, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế cho cán bộ hòa giải nói riêng và công tác hòa giải nói chung.

Hoà giải viên là những người làm việc trên tinh thần tự nguyện, uy tín, không có lương. Phần lớn hoà giải viên chưa phải là những người thực sự có trình độ am hiểu và vận dụng pháp luật vào hoà giải, có kỹ năng hoà giải tốt. Bên cạnh đó, nhiều hoà giải viên khi tiến hành hoà giải còn chủ yếu dựa vào uy tín, kinh nghiệm hoặc nghiêng về việc hàn gắn tình cảm hơn là đảm bảo việc thực hiện nghiêm túc pháp luật. Do vậy, hiệu quả của việc phổ biến giáo dục pháp luật thông qua công tác hoà giải còn hạn chế.

Thứ tư, về kinh phí hỗ trợ cho công tác hoà giải: Theo Thông tư liên tịch số 73/2010/TTLT-BTC-BTP, mức chi thù lao cho công tác hoà giải ở cơ sở tối đa là 150.000 đồng/vụ việc; bên cạnh đó, kinh phí hỗ trợ cho mỗi Tổ hòa giải trong việc mua văn phòng phẩm, sổ sách... phục vụ cho công tác hoà giải, cũng được quy định cụ thể là 100.000 đồng/tổ/tháng. Cũng theo Thông tư liên tịch số 73/2010/TTLT-BTC-BTP, mức chi quy định tại Thông tư này là mức chi tối đa; căn cứ khả năng ngân sách và tình hình thực tế ở địa phương, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình HĐND cùng cấp quy định cụ thể mức chi của các cơ quan, đơn vị thuộc địa phương.

Tuy nhiên, mức chi cho công tác này ở các địa phương thực hiện chưa đồng bộ, như: Cà Mau, Tiền Giang, Hậu Giang chỉ mỗi vụ hòa giải thành 150.000 đồng, không thành 100.000 đồng; Kiên Giang: 150.000 đồng/vụ (chỉ một mức chi duy nhất, không phân biệt hòa giải thành hay không thành); Cần Thơ, An Giang: hòa giải thành 150.000 đồng/vụ, hòa giải không thành 50.000 đồng/vụ.

Tuy mỗi địa phương đã có quy định cụ thể mức kinh phí hỗ trợ cho công tác hoà giải. Nhưng trong thực tế việc chi thù lao cho hoà giải viên ở các tổ hòa giải ở một số nơi vẫn chưa đảm bảo thực hiện tốt (có nơi thực hiện thấp hơn mức quy định thậm chí không chi thù lao cho các tổ hòa giải mặc dù tỉ lệ hòa giải thành hằng năm rất cao).

Bên cạnh đó, mặc dù Thông tư liên tịch số 73/2010/TTLT-BTC-BTP, quy định mức chi hỗ trợ cho công tác hoà giải được nâng lên nhưng mức chi này vẫn còn thấp chưa đảm bảo cho hoạt động của Tổ hòa giải, thậm chí không đủ chi phí cho việc đi lại của hoà giải viên, nếu một vụ việc hoà giải phải tiến hành nhiều lần.

Đây cũng là một trong những khó khăn lớn đối với các hoà giải viên. Chính vì vậy, trên thực tế thường hay thấy rõ một thực trạng là các vật dụng,

tài liệu, văn phòng phẩm cần thiết cho các tổ hòa giải hầu hết được trang bị hết sức sơ sài, thậm chí không đầy đủ, có nhiều nơi hoà giải viên phải tự bỏ tiền túi của mình ra để mua sắm những vật dụng này. Bên cạnh đó, các tổ hòa giải cũng chưa được cung cấp đầy đủ các biểu mẫu báo cáo thống kê; công tác sơ kết, tổng kết và thi đua khen thưởng trong công tác hòa giải ở cơ sở chưa được duy trì thường xuyên.

Thứ năm, sự phối hợp và trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước trong công tác quản lý hoạt động hòa giải ở cơ sở: Đối với công tác tổ chức và hoạt động hòa giải cơ sở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, Mặt trận Tổ quốc đã tích cực phối hợp với cơ quan tư pháp tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp trong việc xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ hòa giải, tạo điều kiện cho các thành viên của mình tham gia tích cực vào công tác hòa giải, vận động quần chúng nhân dân tích cực tham gia xây dựng cùng cơ sở tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở. Tuy nhiên, sự phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc và cơ quan tư pháp có lúc, có nơi còn hạn chế, chưa gắn hoạt động hòa giải cơ sở với việc vận động và thực hiện các phong trào quần chúng địa phương, chưa xác định cụ thể vai trò, trách nhiệm của mỗi ngành, mỗi tổ chức trong việc xây dựng và bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ hòa giải viên.

3 GIẢI PHÁP ĐỀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG HÒA GIẢI CƠ SỞ Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Để hoạt động hòa giải cơ sở ở Đồng bằng sông Cửu Long đạt hiệu quả hơn trong thời gian tới cần thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, xây dựng hệ thống thể chế về hòa giải cơ sở đồng bộ từ trung ương đến địa phương: Hoàn thiện cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của tổ hòa giải vừa là yêu cầu cấp bách do thực tiễn khách quan đòi hỏi, vừa là hướng hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ hòa giải. Pháp luật về hòa giải đã xây dựng các chuẩn mực pháp lý cho các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và cá nhân thực hiện quản lý và tham gia công tác hòa giải và là cơ sở pháp lý để củng cố, kiện toàn tổ chức, tăng cường hoạt động của tổ hòa giải, bảo đảm các tranh chấp, mâu thuẫn, vi phạm pháp luật được phát hiện kịp thời và được giải quyết ngay từ cơ sở. Tuy nhiên, để tiếp tục phát huy kết quả đạt được của công tác hòa giải ở cơ sở thời gian qua, từ Trung ương đến địa phương cần hoàn thiện hơn nữa hệ thống pháp luật điều chỉnh hoạt động này:

- Đối với văn bản Trung ương, cần có quy định cụ thể thời hạn tiến hành hòa giải và giới hạn số lần hòa giải không thành tối đa cho mỗi vụ việc, nếu không đạt kết quả hòa giải thành thì phải chuyển đến cơ quan chức năng giải quyết nhằm tạo thuận lợi để các bên giải quyết các tranh chấp, mâu thuẫn. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp cần sớm ban hành văn bản hướng dẫn về nội dung chi, mức chi kinh phí bảo đảm cho công tác hòa giải ở cơ sở phù hợp với Luật Hòa giải ở cơ sở. Riêng đối với mức chi kinh phí, cần nâng mức chi cao hơn so với Thông tư liên tịch số 73/2010/TTLT-BTC-BTP để phù hợp với tình hình thực tế nhằm khích lệ và góp phần nâng cao hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở.

- Đối với địa phương, để triển khai thực hiện tốt Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành, các địa phương cần kịp thời ban hành các thể chế phù hợp với quy định của cấp trên và tình hình thực tế tại địa phương tạo điều kiện cho việc củng cố, phát triển tổ hòa giải và nâng cao hiệu quả hoạt động hòa giải cơ sở hiện nay.

Thứ hai, tăng cường phổ biến pháp luật về hòa giải ở cơ sở nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội đối với công tác hòa giải ở cơ sở. Trong đó, các cấp, các ngành thường xuyên quán triệt các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác hòa giải ở cơ sở làm cho cán bộ, đảng viên nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò và ý nghĩa quan trọng của công tác này. Tạo điều kiện cho người dân ở cơ sở lựa chọn ngày càng nhiều hơn biện pháp hòa giải để giải quyết các tranh chấp, mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống cộng đồng. Bên cạnh đó, các cấp chính quyền phối hợp Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam cùng cấp, các đoàn thể bằng nhiều hình thức, biện pháp cụ thể để tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về công tác hòa giải; tạo sự đồng thuận trong xã hội tham gia hoạt động hòa giải, giải quyết kịp thời các vụ việc vi phạm pháp luật, mâu thuẫn và tranh chấp nhỏ trong nội bộ nhân dân góp phần giữ gìn đoàn kết, gắn bó, phát huy quyền làm chủ trực tiếp của nhân dân tại cộng đồng.

Thứ ba, củng cố, kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của Tổ hòa giải và hòa giải viên:

- Củng cố, kiện toàn các Tổ hòa giải ở cơ sở: Xuất phát từ đặc điểm vai trò của Tổ hòa giải là tổ chức tự quản của nhân dân ở cơ sở và qua thực tiễn tổ chức và hoạt động của tổ hòa giải trong những năm qua có thể khẳng định, mô hình tổ hòa giải

được thành lập ở tổ dân phố, chung cư, nhà tập thể và các cụm dân cư khác (đối với đô thị) và ở thôn, xóm, bản, ấp, tổ đội sản xuất (đối với nông thôn và miền núi) như đang tồn tại là phù hợp và hiệu quả nhất. Do đó, các Tổ hòa giải phải thường xuyên được củng cố, kiện toàn. Các cơ quan chức năng cần thực hiện nhiều hình thức vận động những người có đủ trình độ, năng lực, uy tín vào Tổ hòa giải. Có như vậy, các tranh chấp mới được giải quyết từ khi mới hình thành, qua đó giữ gìn tình đoàn kết trong nội bộ nhân dân, phòng ngừa và hạn chế vi phạm pháp luật, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội.

- Đối mới cơ chế quản lý đối với tổ chức và hoạt động của tổ hòa giải cơ sở: Hiện nay, pháp luật về hòa giải đã xác định các chủ thể và nội dung quản lý nhà nước đối với tổ hòa giải và vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác hòa giải. Tuy nhiên, một vấn đề quan trọng là cơ chế quản lý nhà nước với các tổ chức chính trị - xã hội trong việc quản lý, chỉ đạo tổ chức và hoạt động hòa giải như thế nào để bảo đảm tính khoa học, phát huy được hiệu quả hoạt động hòa giải trong đời sống xã hội.

Vi vậy, cần xác định rõ, cụ thể trách nhiệm quản lý nhà nước về tổ chức và hoạt động hòa giải của các cơ quan quản lý nhà nước, đặc biệt là cơ quan tư pháp địa phương với chức năng là cơ quan chuyên môn giúp UBND các cấp xây dựng tổ chức, hướng dẫn nghiệp vụ, bảo đảm cơ sở vật chất, kinh phí hoạt động nhất định và thực hiện các chế độ, chính sách cần thiết đối với tổ hòa giải; đồng thời phải xác định rõ trách nhiệm quản lý nhà nước của từng ngành, từng cấp; Chính phủ, ngành Tư pháp, UBND các cấp và tổ chức chính trị xã hội đối với tổ chức và hoạt động hòa giải của tổ hòa giải, tạo nên cơ chế phối hợp hoặc phân cấp rõ ràng mới có thể kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ hòa giải. Có như vậy mới có thể khắc phục triệt để những khó khăn và tồn tại của tổ hòa giải trong thời gian qua.

- Thường xuyên bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ hòa giải cho hòa giải viên:

Đây là nhiệm vụ quan trọng, phải được thực hiện thường xuyên để nâng cao nhận thức cho hòa giải viên về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong từng lĩnh vực của đời sống xã hội và nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ hòa giải. Thực tế hiện nay, hòa giải các mâu thuẫn, tranh chấp đa dạng và ngày càng phức tạp ở cơ sở phải dựa trên cơ sở pháp luật, phù hợp với pháp luật đòi hỏi hòa giải viên phải có kiến thức

pháp luật, nghiệp vụ và kinh nghiệm hòa giải nhất định. Trong khi đó, trình độ văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ của Hòa giải viên ở Đồng bằng sông Cửu Long là rất thấp phần lớn hòa giải viên còn hạn chế về kiến thức pháp luật và nghiệp vụ hòa giải do chưa được trang bị kiến thức pháp luật thường xuyên. Vì vậy, việc bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho hòa giải viên là cần thiết và phải được làm thường xuyên, dưới nhiều hình thức khác nhau, có sự chỉ đạo trực tiếp của cơ quan Tư pháp các cấp và sự phối hợp chặt chẽ của Mặt trận, các ban, ngành, đoàn thể ở địa phương. Để việc đào tạo, bồi dưỡng đạt kết quả, Bộ Tư pháp cần xây dựng chương trình, hướng dẫn nội dung đào tạo, bồi dưỡng và được tổ chức thực hiện thống nhất trong cả nước; trên cơ sở đó, các cơ quan tư pháp địa phương xây dựng kế hoạch và cụ thể hóa chương trình, nội dung đào tạo phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương mình; các cơ quan tư pháp cấp huyện và cấp xã trực tiếp tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho hòa giải viên.

– Cung cấp tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ, tài liệu pháp luật cho hòa giải viên:

Việc cung cấp tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ, tài liệu pháp luật là một trong những giải pháp quan trọng để nâng cao trình độ pháp luật và nghiệp vụ hòa giải cho các hòa giải viên. Tài liệu nghiệp vụ, tài liệu pháp luật có thể gồm các đề cương giới thiệu luật; sổ tay nghiệp vụ hòa giải; sách hỏi - đáp pháp luật; tờ gấp... Vì vậy, các cơ quan tư pháp địa phương cần có kế hoạch biên soạn các tài liệu nêu trên, cung cấp đến từng tổ hòa giải, giúp cho hòa giải viên tự nghiên cứu nâng cao trình độ.

Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh công tác xây dựng, quản lý tủ sách pháp luật xã, phường, thị trấn, tạo điều kiện để các hòa giải viên tự tìm hiểu, nghiên cứu nhằm nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ hòa giải.

Thứ tư, tổ chức sơ kết, tổng kết, tọa đàm trao đổi kinh nghiệm về hoạt động hòa giải ở cơ sở:

Đây là công việc cần thiết phải làm thường xuyên, qua đó theo dõi tổng hợp, đánh giá về tổ chức và đội ngũ hòa giải viên của các Tổ hòa giải. Đồng thời là diễn đàn để các hòa giải viên trao đổi kinh nghiệm, học tập lẫn nhau, giúp nhau tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn công tác hòa giải. Bên cạnh đó, qua việc sơ kết, tổng kết về hoạt động hòa giải ở cơ sở giúp chính quyền địa phương có điều kiện hiểu rõ những thuận lợi, khó khăn, kết quả cũng như kiến nghị về công tác hòa giải ở cơ sở. Qua các buổi sơ kết, tổng kết, kịp thời biểu dương, khen thưởng đối với các hòa giải viên thực

hiện tốt công tác hòa giải, tạo động lực cho hoạt động hòa giải được tốt hơn.

Thứ năm, huy động và đảm bảo các nguồn lực đầu tư về kinh phí và vật chất cho hoạt động hòa giải ở cơ sở:

Hòa giải mang lại hiệu quả rất lớn trong việc giải quyết tranh chấp, mâu thuẫn nhỏ trong nội bộ nhân dân, góp phần củng cố tình đoàn kết, thân ái trong nhân dân. Điều đó cũng có nghĩa, để có được những kết quả tích cực đó, hòa giải viên phải dày công nghiên cứu, tìm hiểu nội dung sự việc dùng những lời lẽ tinh cảm chân thành, đạo lý để khuyên nhủ các bên tranh chấp, mặt khác phải giải thích, phân tích những quy định của pháp luật để cho các bên tranh chấp hiểu được việc làm sai trái của mình. Họ phải mất rất nhiều công sức, thời gian, thậm chí có khi nguy hiểm đến sức khỏe, danh dự của người hòa giải. Tuy nhiên, việc đầu tư về kinh phí và trang thiết bị phục vụ cho sinh hoạt của Tổ hòa giải và các hòa giải viên hiện nay còn rất hạn chế, chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ đề ra. Ngoài việc không có địa điểm, tài liệu pháp luật phục vụ cho công tác hòa giải, thậm chí việc hỗ trợ kinh phí cho mỗi vụ hòa giải thành và trang bị bút mực, giấy viết cho các tổ hòa giải theo định kỳ quy định cũng không được UBND các xã, phường, thị trấn quan tâm thực hiện. Điều này đã ảnh hưởng rất lớn đến tâm lý, lòng nhiệt tình của các hòa giải viên và chất lượng của các vụ hòa giải.

Để tạo điều kiện hơn nữa cho các hòa giải viên, các cơ quan có trách nhiệm, liên quan cần hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác hòa giải, làm cơ sở cho các tỉnh, thành khu vực Đồng bằng sông Cửu Long cũng như các tỉnh thành trong cả nước sửa đổi cho phù hợp. Trong đó kinh phí chi cho công tác hòa giải cần theo hướng như: Nâng mức kinh phí chi hỗ trợ cho hòa giải viên ở mỗi vụ hòa giải và quy định rõ mức chi cho mỗi vụ hòa giải thành, hòa giải không thành. Tùy theo tình hình mỗi địa phương mà UBND tỉnh quy định cấp nào (tỉnh, huyện, xã) chịu trách nhiệm trực tiếp chi và quy định các điều kiện đảm bảo cơ sở vật chất, chế độ chính sách cho hoạt động ở các tổ hòa giải, hòa giải viên như chế độ rui ro (nếu có)... để động viên những người làm công tác hòa giải ở cơ sở phấn khởi, gắn bó với công việc hơn.

Thứ sáu, nâng cao vai trò các tổ chức Đảng, chính quyền và Mặt trận Tổ quốc các cấp:

Qua thực tiễn cho thấy, nơi nào được sự quan tâm theo dõi, chỉ đạo chặt chẽ, kịp thời từ cấp ủy

Đảng, chính quyền và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thì công tác hòa giải ở nơi đó luôn đạt hiệu quả cao. Vì vậy, các cơ quan, tổ chức liên quan cần khẳng định mạnh mẽ, nâng cao hơn nữa vị trí, vai trò của mình, đặc biệt là Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong công tác hòa giải cơ sở. Như tại Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 cũng chỉ rõ: “Khuyến khích việc giải quyết một số tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải, trọng tài; Tòa án hỗ trợ bằng quyết định công nhân việc giải quyết đó”. Vì vậy, các cơ quan Đảng các cấp cần quan tâm, chỉ đạo sâu sát hòa giải cơ sở và đề ra các chủ trương, đường lối thực hiện cho phù hợp. Theo đó, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần tham gia quản lý; giữ vai trò nòng cốt trực tiếp xây dựng, củng cố và kiện toàn tổ hòa giải; tham gia, đôn đốc thực hiện hoạt động hòa giải cơ sở; giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về hòa giải cơ sở... Nhà nước thực hiện quản lý chủ yếu là ban hành, tổ chức và theo dõi việc thực hiện cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về tổ chức và hoạt động hòa giải cơ sở; chỉ đạo, hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ hòa giải; cung cấp tài liệu phục vụ công tác hòa giải cơ sở; hỗ trợ về kinh phí cho hoạt động hòa giải; tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết, thi đua khen thưởng, xử lý vi phạm về tổ chức và hoạt động hòa giải cơ sở... Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về công tác hòa giải ở địa phương. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp cấp xã có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện quản lý nhà nước về công tác hòa giải ở địa phương. Các cơ quan có nhiệm vụ quản lý, hướng dẫn sâu sát, chặt chẽ về hòa giải cơ sở thì tỷ lệ hòa giải thành sẽ đạt kết quả cao, giảm đơn thư khiếu nại, tố cáo đến các cơ quan có chức năng.

Năm 1950, tại một lớp học của cán bộ ngành Tòa án, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Xét xử đúng là tốt, nhưng nếu không phải xét xử thì càng tốt hơn”. Suy ngẫm về câu nói này của Bác, càng thấy rõ hơn ý nghĩa tốt đẹp và tầm quan trọng của công tác hòa giải cơ sở. Với sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của các cơ quan Đảng, chính quyền, mặt trận Tổ quốc và các cơ quan liên quan về hòa giải cơ sở là hết sức cần thiết trong giai đoạn hiện nay, nhằm phát huy quyền làm chủ trực tiếp của nhân dân tại cộng đồng, tăng cường tính tự quản của nhân dân trong quản lý xã hội, tạo nên sự đồng thuận, ổn định, đóng góp chung cho sự phát triển của đất nước.

4 KẾT LUẬN

Với vai trò, ý nghĩa và kết quả đạt được của công tác hòa giải đã được xác định. Bên cạnh đó, quá trình thực hiện pháp luật về tổ chức hoạt động hòa giải ở cơ sở thời gian qua ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long đã bộc lộ những khó khăn, vướng mắc và hạn chế nhất định.

Xuất phát từ ý nghĩa quan trọng của công tác hòa giải đối với đời sống xã hội, từ thực tiễn thi hành pháp luật về hòa giải cơ sở ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long cho thấy cần phải xây dựng hệ thống thể chế về hòa giải ở cơ sở đồng bộ từ Trung ương đến cơ sở, tạo cơ sở pháp lý cho việc kiện toàn tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động hòa giải, phát huy tính năng động của cơ quan tư pháp địa phương, tạo cơ chế để nhân dân chủ động tham gia hoạt động hòa giải; củng cố, kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của Tổ hòa giải và hòa giải viên; đổi mới công tác bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ cho những người làm công tác hòa giải ở cơ sở, làm cho đối tượng này ngày càng giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, vận dụng kịp thời, chính xác các văn bản pháp luật, các hương ước, quy ước, phong tục, tập quán địa phương và kỹ năng trong công tác hòa giải.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo kết quả công tác Tư pháp của Sở Tư pháp các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long các năm 2009, 2010, 2011, 2012, 2013.
2. Báo cáo về hoạt động hòa giải ở cơ sở của Bộ Tư pháp các năm 2009, 2010, 2011, 2012, 2013.
3. Kỳ yếu tọa đàm góp ý, hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở - Bộ Tư pháp - Hà Nội/2005.
4. Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013.
5. Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở.
6. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.
7. Thông tư liên tịch số 73/2010/TTLT-BTC-BTP ngày 14/5/2010 của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp hướng dẫn việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.